

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ ATG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ ATG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ATG CONSTRUCTION AND TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108502478

**3. Ngày thành lập:** 07/11/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 9 ngõ 423/2 đường An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0943.381.807

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý hàng hóa                                      | 4610     |
| 3.  | Quảng cáo                                                                                            | 7310     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện             | 1629     |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                   | 2640     |
| 6.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh          | 4753     |
| 7.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                  | 4931     |
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                     | 4932     |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                          | 2599     |
| 10. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                           | 2610     |
| 11. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                             | 7320     |
| 12. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                  | 4511     |
| 13. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                  | 4662     |
| 14. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                             | 4761     |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                       | 4933     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi ,ví, hàng da và hàng giả da khác<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                    | 4649        |
| 17. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4651        |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, véc ni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim                                                                                                                                          | 4663        |
| 19. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1701        |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết : - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 21. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết:<br>- Dây dẫn và thiết bị điện<br>- Đường dây thông tin liên lạc,<br>- Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học<br>- Chuông báo cháy<br>- Hệ thống báo động chống trộm,<br>- Camera quan sát ra - vào cửa                                                                                                                                                                                      | 4321(Chính) |
| 22. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322        |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị camera quan sát, hệ thống báo cháy, chống trộm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4659        |
| 24. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4101        |
| 25. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4102        |
| 26. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4212        |
| 27. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4221        |
| 28. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4222        |



\* Họ và tên: NGUYỄN MINH GIANG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *25/07/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012510648*

Ngày cấp: *29/10/2012*

Nơi cấp: *CA Thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *thôn Trung Na, Xã Thanh Xuân, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *thôn Trung Na, Xã Thanh Xuân, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*